Chi tiết mã HS 1702.19.00

Mã HS	1702.19.00
Mô tả hàng hóa	Đường khác, kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo, đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen / - Lactoza và xirô lactoza: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:39:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/17021900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2295
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2295
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2295
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2302
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2263
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2263
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2263
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2263
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2263
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2263
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2301
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2301
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2301
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2301

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2301
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2301
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2303
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2303
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2303
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2303
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2303
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2303
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2305
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2269
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2265
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2265
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2265
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2265
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2265
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2265
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2263
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2263
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2263
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2263
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2263
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2263
VCFTA	2022	2022	0	VC!D2312
VCFTA	2023	2023	0	VC!E2312
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2312
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2312

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2312
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2312
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2305
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2305
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2305
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2305
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2305
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2305
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2317
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2317
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2317
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2317
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2317
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2317
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2284
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2284
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2284
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2284
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2284
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2284
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2286
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2286
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2286
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2286
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2286
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2286

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2282
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2282
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2282
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2282
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2282
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2282
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2282
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2303
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2303
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2303
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2303
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2303
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2303
RCEP B	2022	2022	0	B!D2303
RCEP B	2023	2023	0	B!E2303
RCEP B	2024	2024	0	B!F2303
RCEP B	2025	2025	0	B!G2303
RCEP B	2026	2026	0	B!H2303
RCEP B	2027	2027	0	B!I2303
RCEP C	2022	2022	0	C!D2303
RCEP C	2023	2023	0	C!E2303
RCEP C	2024	2024	0	C!F2303
RCEP C	2025	2025	0	C!G2303
RCEP C	2026	2026	0	C!H2303
RCEP C	2027	2027	0	C!I2303
RCEP D	2022	2022	0	D!D2303

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E2303
RCEP D	2024	2024	0	D!F2303
RCEP D	2025	2025	0	D!G2303
RCEP D	2026	2026	0	D!H2303
RCEP D	2027	2027	0	D!I2303
RCEP E	2022	2022	0	E!D2306
RCEP E	2023	2023	0	E!E2306
RCEP E	2024	2024	0	E!F2306
RCEP E	2025	2025	0	E!G2306
RCEP E	2026	2026	0	E!H2306
RCEP E	2027	2027	0	E!I2306
RCEP F	2022	2022	0	F!D2303
RCEP F	2023	2023	0	F!E2303
RCEP F	2024	2024	0	F!F2303
RCEP F	2025	2025	0	F!G2303
RCEP F	2026	2026	0	F!H2303
RCEP F	2027	2027	0	F!I2303
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2151
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2151
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2151
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2151

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1702.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 1702.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2295), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.